



xié xiàn

斜线

noun · diagonal line

Example Sentence

Qǐng zài zhè tiáo xié xiàn shàng huà yí gè jiàn tóu.
请在这条斜线 上 画一个箭头。

Please draw an arrow on this diagonal line.

Trace each character, then write the word on your own.

斜	斜	斜	斜	斜	斜	斜	斜	斜	斜	斜
斜	斜	斜								

线	线	线	线	线	线	线	线	线	线	线
